

Số: /QĐ-SNNMT

Cà Mau, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt E-HSMT xây lắp

**Gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình, thuộc công trình sửa chữa
tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 03/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC Ngày 08/8/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Công văn số 381/UBND-XD ngày 04/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc khắc phục sạt lở tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai;

Căn cứ Công văn số 3922/UBND-NNXD ngày 16/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kinh phí sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai;

Công văn số 5287/UBND-NNXD ngày 20/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-STC ngày 20/5/2025 của Giám đốc Sở Tài chính về việc bổ sung kinh phí sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai năm 2025 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-SXD ngày 17/9/2025 của Giám đốc Sở Xây dựng Cà Mau về việc phê duyệt dự án Sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-SNNMT ngày 19/9/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai.

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-SNNMT ngày 19/9/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt dự toán gói thầu và giá gói thầu xây dựng công trình công trình: Sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 56/2025/BCTĐ-GH ngày 24/9/2025 của Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Gia Hân về việc thẩm định E-HSMT gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình thuộc Dự án Sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai;

Xét đề nghị của Ban Quản lý các cảng cá tại Tờ trình số 34/TTr-BQL ngày 23/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT, với các nội dung như sau:

- 1. Tên gói thầu:** Gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình.
- 2. Thuộc dự án:** Dự án Sửa chữa tuyến đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai.
- 3. Nguồn vốn:** Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2025.
- 4. Giá gói thầu theo kế hoạch đấu thầu:** 3.691.951.836 đồng.
- 5. Giá gói thầu theo dự toán được duyệt:** 3.691.951.836 đồng.
- 6. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.
- 7. Đơn vị tư vấn lập E-HSMT:** Công ty TNHH MTV Tư vấn Giám sát xây dựng Cà Mau.
- 8. Thời gian lựa chọn nhà thầu:** Quý III - Năm 2025.
- 9. Thời gian hiệu lực của hồ sơ dự thầu:** 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
- 10. Hình thức hợp đồng:** Trọn gói.
- 11. Thời gian thực hiện hợp đồng:** 90 ngày.
- 12. Bảo đảm dự thầu:** 50.000.000 đồng, hiệu lực là 120 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.
- 13. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT:** Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trước khi phát hành E-HSMT, Bên mời thầu và đơn vị tư vấn lập E-HSMT phải điều chỉnh tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT theo tiêu chuẩn được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Ban Quản lý, đơn vị tư vấn lập E-HSMT, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KH-TC(H).

GIÁM ĐỐC

Tô Hoài Phương

Phụ lục
Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
Gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình thuộc Dự án Sửa chữa tuyến
đường tuần tra trên đảo Hòn Khoai.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày /9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

1. Đánh giá tính hợp lệ hồ sơ dự thầu:

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây

- Hồ sơ dự thầu nộp tại Website :<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>
- Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

- Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

- Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 7
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 8A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 5.127.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 8A

3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 1.107.000.000 VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị: Tối thiểu 1.107.000.000 VND - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày: 31/01/2026) - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu: 01 công trình có loại kết cấu: công trình giao thông tương tự gói thầu này, cấp:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trương đương với	Mẫu số 5

		IV, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là 1.845.975.000 VNĐ, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.			phân công việc đảm nhận)	
--	--	---	--	--	--------------------------	--

3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật:

3.1. Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽¹⁾
1	Chỉ huy trưởng công trường	01	Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	+ Chứng chỉ, trình độ chuyên môn: Bằng tốt nghiệp Chuyên ngành giao thông hoặc cầu đường + Đáp ứng điều kiện hành nghề đối với Chỉ huy trưởng công trường loại công trình giao thông, cấp IV theo quy định tại Điều 74 của NĐ số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: + Đã từng phụ trách Chỉ huy trưởng công trình hoặc tham gia kỹ thuật thi công trực tiếp từ 01 công trình giao thông cấp IV trở lên. + Tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng huy động nhân sự gồm bản cam kết của nhân sự sẽ tham gia ban chỉ huy công trình, kèm giấy căn cước hoặc CCCD; + Hợp đồng thi công, Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về công việc nhân sự đảm nhận; + Bản cam kết của nhà thầu về việc cung cấp hồ sơ Quản lý chất lượng công trình trong trường hợp Bên mời thầu yêu cầu xác minh
2	Cán bộ kỹ thuật: Phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp	01	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	- Chứng chỉ, trình độ chuyên môn: + Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng công trình giao thông hoặc cầu đường. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự:

				+ Đã từng phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp từ 01 công trình giao thông cấp IV trở lên. + Tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng huy động nhân sự gồm bản cam kết của nhân sự sẽ tham gia ban chỉ huy công trình, kèm giấy căn cước hoặc CCCD; + Hợp đồng thi công, Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về công việc nhân sự đảm nhận; + Bản cam kết của nhà thầu về việc cung cấp hồ sơ Quản lý chất lượng công trình trong trường hợp Bên mời thầu yêu cầu xác minh.
3	Cán bộ kỹ thuật: Phụ trách công tác trắc địa công trình	01	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	- Chứng chỉ, trình độ chuyên môn: + Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành trắc địa hoặc trắc địa. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: + Đã từng phụ trách kỹ thuật thi công trắc địa từ 01 công trình giao thông cấp IV trở lên. + Tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng huy động nhân sự gồm bản cam kết của nhân sự sẽ tham gia ban chỉ huy công trình, kèm giấy căn cước hoặc CCCD; + Hợp đồng thi công, Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về công việc nhân sự đảm nhận;

3.2. Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

ST T	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Biển thể hàn xoay chiều - công suất: 23 kW(Có bản scan bản gốc hóa đơn bán hàng)	2
2	Máy cắt uốn cốt thép - công suất: 5 kW (Có bản scan bản gốc hóa đơn bán hàng)	1
3	Máy đầm bê tông, đầm bàn - công suất: 1,0 kW(Có bản scan bản gốc hóa đơn bán hàng)	1
4	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất: 1,5 kW(Có bản scan bản gốc hóa đơn bán hàng)	2
5	Máy trộn bê tông - dung tích: 250 lít (Có bản scan bản gốc hóa đơn bán hàng)	2
6	Máy đào một gầu, bánh xích hoặc bánh hơi-dung tích gầu:0,8m ³ (Có bản scan giấy đăng ký xe và kiểm định còn hiệu lực)	1

*** Ghi chú:** Tất cả các thiết bị máy móc phải có giấy tờ hợp lệ

4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1.Đối với các vật tư, vật liệu chính:Đá 1x2,đá 2x4, Thép tròn các loại, Cát vàng,xi măng bền sunfat, cát vàng, Vải địa kỹ thuật)	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.	Không đạt
1.2. Phương án vận chuyển, tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu đến chân công trình	Nhà thầu phải đề xuất cụ thể phương án vận chuyển, tập kết vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng từ nơi cung ứng, cung cấp đến chân công trình (đường vận chuyển, phương tiện vận chuyển) phải đảm bảo tính khả thi và phù hợp với gói thầu này	Đạt
	Không đáp ứng theo yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	

2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công:	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng nhưng thiếu giải pháp kỹ thuật về lán trại.	Chấp nhận được
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.2. Thi công gồm các công tác thi công: thuyết minh cho tiết các bước thi công : Gia cố tường chắn, gia cố lè, hệ thống thoát nước và mặt đường cho đến khi hoàn thiện, (thuyết minh cụ thể các bước thi công)	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 2.2 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 2.1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công:		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Bảo đảm giao thông: Có đề xuất biện pháp thi công để không làm gián đoạn giao thông trong khu vực công trường khi thi công	Có đề xuất biện pháp thi công hợp lý để không làm gián đoạn giao thông	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu.	Không đạt
3.2. Thi công công trình: Bố trí thi công hợp lý, mô tả biện pháp, công nghệ thi công các hạng mục chính (Gia cố tường chắn, gia cố lè, hệ thống thoát nước và mặt đường) theo	Bố trí thi công hợp lý. Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công.	Đạt
	Bố trí thi công không hợp lý, hoặc đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công.	Không đạt

đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật		
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
4. Tiến độ thi công:		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 90 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 90 ngày .	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a và b.	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a và b.	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
5. Biện pháp bảo đảm chất lượng		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt

	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	

7.1. Bảo hành Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm (2022, 2023, 2024) trở lại đây.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	Đạt
	Có một hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Chấp nhận được
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 7.1 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 7.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

5. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

